

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV
CTCP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v giải trình lợi nhuận chênh lệch
10% so với cùng kỳ năm trước

Tp.HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2025

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành giải trình về việc lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025 biến động giảm hơn 10% so với Quý 2 năm 2024 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2024 là: 18.187.131.680 đồng
- Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2025 là: 8.825.244.941 đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 2 năm 2025	Quý 2 năm 2024	Chênh lệch so với cùng kỳ năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.530.666.621	141.420.818.965	(1.890.152.344)
2	Giá vốn hàng bán	84.387.706.310	85.774.721.437	(1.387.015.127)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	55.142.960.311	55.646.097.528	(503.137.217)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	488.055.154	709.494.254	(221.439.100)
5	Chi phí tài chính	137.867.783	239.568.685	(101.700.902)
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>137.867.783</i>	<i>239.568.685</i>	<i>(101.700.902)</i>
6	Chi phí bán hàng	27.444.109.358	18.271.777.509	9.172.331.849
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.727.879.571	15.145.125.447	1.582.754.124
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.321.158.753	22.699.120.141	(11.377.961.388)
9	Thu nhập khác	414.846.018	34.794.460	380.051.558
10	Chi phí khác	704.448.594	-	704.448.594
11	Lợi nhuận khác	(289.602.576)	34.794.460	(324.397.036)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.031.556.177	22.733.914.601	(11.702.358.424)
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.206.311.236	4.546.782.921	(2.340.471.685)
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.825.244.941	18.187.131.680	(9.361.886.739)

Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2025 giảm 9.361.886.739 đồng so với Quý 2 năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu là:

(1)	Sản lượng nước tiêu thụ Quý 2 năm 2025 giảm 108.098 m ³ , đơn giá bán bình quân tăng 30,67 đồng so với Quý 2 năm 2024 nên doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 1.890.152.344 đồng
(2)	Giá vốn hàng bán giảm 1.387.015.127 đồng so với Quý 2 năm 2024.
(3)	Tốc độ tăng doanh thu lớn hơn tăng chi phí dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 503.137.217 đồng.
(4)	Doanh thu tài chính Quý 2 năm 2025 giảm 221.439.100 đồng so với Quý 2 năm 2024 do giảm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
(5)	Chi phí hoạt động tài chính Quý 2 năm 2025 giảm so với Quý 2 năm 2024 là 101.700.902 đồng do số dư nợ gốc vay các hợp đồng giảm.
(6)	Chi phí bán hàng tăng 9.172.331.849 đồng do trong Quý 2 năm 2025 tăng chi phí sửa chữa ống mương chống thất thoát nước,....
(7)	Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1.582.754.124 so với Quý 2 năm 2024 do tăng các chi phí dịch vụ mua ngoài.
(8)	Từ các nguyên nhân trên, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty Quý 2 năm 2025 giảm 11.377.961.388 đồng.
(9)	Thu nhập khác Quý 2 năm 2025 tăng 380.051.558 đồng so với Quý 2 năm 2024
(10)	Chi phí khác tăng 704.448.594 đồng so với Quý 2 năm 2024
(11)	Từ điểm (9) và (10) dẫn đến Lợi nhuận khác giảm 324.397.036 đồng.
(12)	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 11.377.961.388 đồng,
(13)	lợi nhuận khác giảm 324.397.036 đồng nên tổng lợi nhuận kế toán trước
(14)	thuế Quý 2 năm 2025 giảm 11.702.358.424 đồng so với Quý 2 năm 2024. Từ đó, dẫn đến Thuế Thu nhập doanh nghiệp Quý 2 năm 2025 giảm 2.340.471.685 đồng.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2025 của Công ty.

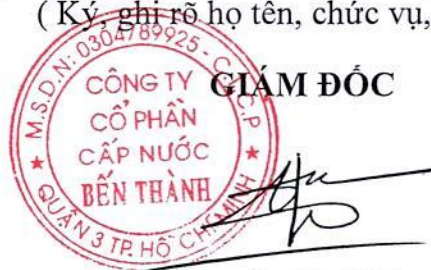
Trân trọng.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 2/2025

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Hoài Nam